

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026
của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước**

Thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (sau đây gọi là Nghị quyết số 79-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW; nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, dẫn dắt của kinh tế nhà nước; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực nhà nước trên địa bàn tỉnh; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, tập trung, thống nhất, chặt chẽ của Đảng.

- Bám sát các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 79-NQ/TW và các quy định, hướng dẫn của Trung ương để đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, rõ ràng, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, làm căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết để hiện thực hóa các mục tiêu đề ra.

- Các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải khả thi, lộ trình thực hiện rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể, gắn với thời gian thực hiện. Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp gắn với kết quả, sản phẩm, có cơ chế, công cụ đo lường, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với kinh tế nhà nước, nhất là trong định hướng sử

dụng nguồn lực và tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đề cao trách nhiệm giải trình; chú trọng phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý, hoạt động và nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả, phát huy vai trò chủ đạo, tiên phong, định hướng chiến lược của kinh tế nhà nước trong các ngành, lĩnh vực then chốt, thiết yếu; hỗ trợ, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác cùng phát triển; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân; hiện thực hóa mục tiêu đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình của vùng trung du và miền núi phía Bắc vào năm 2030, đến năm 2045 trở thành tỉnh trung bình của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- *Về đất đai, tài nguyên*: Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- *Về tài sản kết cấu hạ tầng*: Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên mới; tập trung hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm trên địa bàn tỉnh, có quy mô lớn, kết nối liên vùng, liên tỉnh...

- *Về ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách*: Phần đầu nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước, bảo đảm hoàn thành và vượt dự toán thu do Trung ương giao; trong đó tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GRDP giai đoạn 2026-2030 bình quân khoảng 8,5% GRDP; trong đó từ thuế, phí khoảng 7,6% GRDP. Tiếp tục cân đối ngân sách tích cực, kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách địa phương, mức dư nợ vay không vượt quá 80% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp. Định hướng cơ cấu chi ngân sách theo hướng tăng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định.

- *Về doanh nghiệp nhà nước*: Định hướng doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh từng bước đổi mới, hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng hiện đại,

phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động và điều kiện thực tiễn của tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch trong quản trị và điều hành. Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số trong quản lý, giám sát và tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, sử dụng hiệu quả vốn nhà nước, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

- *Về tổ chức tín dụng nhà nước*: Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiền tệ, tín dụng; tạo điều kiện để các tổ chức tín dụng nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động an toàn, lành mạnh, ổn định và phát triển bền vững, phát huy vai trò chủ lực trong triển khai các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống Nhân dân. Định hướng ưu tiên nguồn vốn tín dụng cho các lĩnh vực, chương trình trọng điểm, các khâu đột phá của tỉnh; tiếp tục thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội theo quy định.

- *Về đơn vị sự nghiệp công lập*: Thực hiện chủ trương xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình phù hợp, gắn với điều kiện thực tiễn và khả năng tiếp cận của người dân trên địa bàn tỉnh. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập; tập trung duy trì các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Định hướng nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu đến năm 2030 tăng tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên trở lên theo lộ trình và quy định của Trung ương, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế nhà nước giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế, đóng vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững; thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Hệ thống doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từng bước được đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng mức độ tự chủ phù hợp, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu đưa tỉnh Lai Châu phát triển toàn diện, hiện thực hoá mục tiêu đến năm 2045 trở thành tỉnh trung bình của cả nước.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân các quan điểm, chủ trương của Đảng về kinh tế nhà nước. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo; chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị hiện đại, hành động quyết liệt.

- Bảo đảm thống nhất trong thực thi chính sách giữa Trung ương và địa phương. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong các hoạt động phát triển kinh tế nhà nước; phân định rõ chức năng sở hữu, chức năng quản lý kinh tế, chức năng thực hiện các nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ không vì mục tiêu lợi nhuận với chức năng kinh doanh.

- Triển khai, thực hiện các giải pháp nhằm tạo lập môi trường thuận lợi, công bằng, minh bạch cho các khu vực kinh tế trên địa bàn tỉnh trong khai thác và sử dụng nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm thiểu can thiệp hành chính trực tiếp, giảm chi phí tuân thủ, áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia trong các cơ quan, tổ chức kinh tế nhà nước; triển khai các cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm thu hút và trọng dụng nhân tài gắn với tiêu chuẩn năng lực, đạo đức nghề nghiệp, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện các quy định về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong trường hợp không có yếu tố tham nhũng, vụ lợi.

- Thường xuyên cập nhật, chuẩn hóa và kết nối các cơ sở dữ liệu của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia theo chỉ đạo của Trung ương; khai thác, sử dụng dữ liệu để kịp thời giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn, tài sản, nguồn lực nhà nước, làm căn cứ cho hoạch định chính sách, phân bổ và điều tiết nguồn lực trên địa bàn tỉnh.

- Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ thanh tra, kiểm tra, trên nền tảng số, bảo đảm thống nhất với lộ trình kế hoạch chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp. Xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi lạm dụng thanh tra, kiểm tra để gây khó khăn cho các tổ chức, đơn vị; các vụ việc gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực, bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa từ sớm, từ xa; thu hồi tối đa cho Nhà nước những tài sản, kinh phí bị sử dụng sai mục đích hoặc bị chiếm đoạt, không để gây ra hệ lụy ảnh hưởng đến nền kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống của Nhân dân. Có các giải pháp cụ thể đẩy nhanh việc xử lý các dự án, công trình tồn đọng kéo dài nhằm khơi thông và phát huy tối đa hiệu quả các nguồn lực.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Đối với đất đai và tài nguyên

Quản lý, khai thác, huy động và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tài nguyên, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế:

- Tiếp tục phối hợp với các bộ, ngành xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật về đất đai và tài nguyên; phân cấp, phân quyền hợp lý trong quản lý, khai thác và sử dụng.

- Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trong toàn tỉnh; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh đưa kết quả vào quản lý, vận hành, khai thác, đồng bộ, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, kết nối chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác trong năm 2026; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo quỹ đất hợp lý cho phát triển công nghiệp và dịch vụ, đô thị, thúc đẩy việc quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu thực tế và có tầm nhìn dài hạn.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật về quản lý đất đai, trước mắt trong năm 2026 hoàn thành việc sửa đổi các quy định đảm bảo phù hợp, thống nhất với các văn bản của Trung ương và tháo gỡ các vướng mắc trong quản lý đất đai, khơi thông nguồn lực từ đất đai.

- Có cơ chế, chính sách bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận đất đai; ưu tiên bố trí quỹ đất cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị, nhà ở xã hội; làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và cương quyết thu hồi đất bỏ hoang, sử dụng sai mục đích, lãng phí.

- Hoàn thiện và tăng cường thực thi cơ chế, chính sách đảm bảo đồng bộ, thống nhất, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên đất, khoáng sản, nước, xây dựng cơ sở dữ liệu, đẩy mạnh số hóa quản lý tài nguyên và môi trường. Bảo vệ chặt chẽ các khu bảo tồn thiên nhiên rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái; ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học.

- Tăng cường năng lực quan trắc môi trường; chủ động theo dõi, phát hiện sớm, xử lý kịp thời các ô nhiễm, suy thoái môi trường và hành vi vi phạm gây ô nhiễm, suy thoái môi trường theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng

- Thực hiện lập, rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện các quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính liên kết, đa ngành, đa mục tiêu, khai thác hiệu quả các loại hình kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, tập trung vào các dự án trọng điểm có tính liên kết vùng. Đồng thời, định hướng

đầu tư hạ tầng theo hướng xanh, bền vững, ứng dụng công nghệ số trong quản lý, vận hành, nâng cao khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, bảo đảm an sinh xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; khuyến khích áp dụng các hình thức hợp tác công - tư và các phương thức huy động nguồn lực hợp pháp khác theo quy định pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối của địa phương.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, nhất là hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng chợ và các công trình hạ tầng thiết yếu; huy động nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư, quản lý, vận hành trên cơ sở công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí.

2.3. Đối với ngân sách nhà nước, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

a) Ngân sách nhà nước

- Thực hiện quản lý, điều hành ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; gắn quản lý ngân sách với cơ cấu lại nền kinh tế và mô hình phát triển của tỉnh; phân định rõ vai trò, trách nhiệm giữa chính quyền địa phương trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngân sách. Hạn chế việc áp dụng các tỷ lệ chi cứng cho từng ngành, lĩnh vực, đối tượng (*trừ trường hợp có quy định của Trung ương*), bảo đảm chủ động, linh hoạt trong bố trí nguồn lực theo các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách thu do Trung ương ban hành; bảo đảm bao quát các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững cơ cấu nguồn thu, nâng cao tính công khai, minh bạch, phù hợp thông lệ quốc tế; hạn chế lồng ghép các chính sách xã hội vào chính sách thu; đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thu, giảm tối đa chi phí tuân thủ; có chính sách tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu, khơi thông nguồn lực cho phát triển.

- Thực hiện phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách theo quy định; bảo đảm ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đồng thời tăng tính chủ động cho ngân sách cấp xã; phân cấp gắn với trách nhiệm và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Phân bổ vốn đầu tư công theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, manh mún; quyết định đầu tư phù hợp với quy hoạch, khả năng cân đối nguồn lực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thực hiện vay nợ trong hạn mức cho phép; bảo đảm công khai, minh bạch thông tin về nợ công; xây dựng và thực hiện kế hoạch vay, trả nợ trung hạn, bố trí đầy đủ nguồn lực trả nợ đúng hạn theo quy định.

b) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

- Rà soát, sắp xếp các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh; thực hiện sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể các quỹ hoạt động kém hiệu quả, trùng lặp chức năng; giảm đầu mối, tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn của các quỹ.

- Tăng cường công khai, minh bạch, kiểm tra, giám sát việc huy động, quản lý, sử dụng vốn; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với hiệu quả hoạt động và việc chấp hành kỷ luật tài chính.

- Khuyến khích thực hiện cơ chế ủy thác quản lý tài chính quỹ theo quy định; huy động nguồn lực xã hội hóa bổ sung vốn cho các quỹ, từng bước giảm phụ thuộc vào ngân sách nhà nước; không thành lập mới quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trừ trường hợp thật sự cần thiết theo yêu cầu của Trung ương hoặc quy định của pháp luật; việc thành lập mới (*nếu có*) phải được đánh giá đầy đủ về sự cần thiết, hiệu quả, khả năng cân đối nguồn lực và tác động đối với ngân sách địa phương.

c) Vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

Chuyển giao phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống cho doanh nghiệp có chức năng kinh doanh và đầu tư vốn nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cùng ngành nghề để quản lý, đầu tư phát triển, thực hiện trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp (*tái cơ cấu, bổ sung vốn hoặc thoái vốn*), bảo đảm hiệu quả nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

2.4. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Tiếp tục củng cố, phát triển, bảo đảm doanh nghiệp nhà nước là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước, góp phần phát triển kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội

- Thực hiện chính sách tăng vốn điều lệ thông qua việc sử dụng nguồn thu từ cổ phần hoá, thoái vốn hoặc tăng tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để lại doanh nghiệp; rà soát, đánh giá lại tài sản đã hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng. Khuyến khích hợp nhất, sáp nhập, chuyển giao các doanh nghiệp nhằm phát huy lợi thế tổng thể của ngành kinh tế.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước chủ động liên kết với các doanh

ng nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhằm phát huy lợi thế, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, tránh chông chéo, cạnh tranh không lành mạnh, bảo đảm lợi ích hài hoà, tạo động lực thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

- Doanh nghiệp nhà nước sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư, phát triển kinh tế tại địa phương.

b) Thúc đẩy đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh để kinh doanh hiệu quả, bền vững

- Triển khai các quy định của Trung ương nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh áp dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Khuyến khích doanh nghiệp nhà nước tham gia mở rộng, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc tham gia vào các dự án đầu tư, chuyển giao công nghệ.

c) Tăng cường đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị doanh nghiệp

- Triển khai các quy định của Trung ương về quyền hạn và trách nhiệm của các chức danh quản lý trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp nhà nước; xây dựng cơ chế giám sát hoạt động, trách nhiệm giải trình của người đại diện phần vốn nhà nước, các chức danh quản lý tại doanh nghiệp gắn với việc nâng cao tiêu chuẩn, điều kiện, tăng cường phân công, phân cấp.

- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ để ngăn chặn vi phạm pháp luật và xung đột lợi ích. Kiên quyết thay thế, miễn nhiệm những người thiếu trách nhiệm, yếu kém để xảy ra thất thoát, lãng phí, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tiền lương, bảo đảm khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác trong việc thu hút và sử dụng lao động có chất lượng cao, gắn với nâng cao chất lượng công tác lập và giao kế hoạch của doanh nghiệp, bảo đảm chặt chẽ, sát thực tiễn. Cơ chế tiền lương phải gắn với năng suất lao động bình quân và phổ biến trên thị trường lao động; giữ chân người lao động có trình độ cao về chuyên môn, quản lý, có đóng góp lớn cho phát triển của doanh nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm minh bạch, khách quan, không ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông nhà nước.

- rà soát, xử lý các dự án đầu tư yếu kém, doanh nghiệp thua lỗ kéo dài, xác định rõ và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định; hạn chế tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, gây thất thoát vốn, tài sản, nguồn vốn, giảm thiểu thiệt hại cho nhà nước, doanh nghiệp.

d) Tiếp tục cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

- Tiếp tục thực hiện lộ trình cổ phần hoá để nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, thu hút thêm sự tham gia từ các khu vực kinh tế khác nhằm tăng cường năng lực quản trị, cải thiện công nghệ, nguồn lực tài chính để doanh nghiệp phát triển sau cổ phần hoá, không làm thất thoát tài sản của Nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối thì có cơ chế, lộ trình phù hợp nhằm: (i) Sáp nhập với các doanh nghiệp nhà nước khác để hình thành chuỗi giá trị, tăng quy mô, hiệu quả hoạt động. (ii) Chuyển giao cho doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và phân loại để có giải pháp cơ cấu lại vốn phù hợp. Việc cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp phải dựa trên các tiêu chí công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật theo nguyên tắc Nhà nước làm những gì mà tư nhân không làm hoặc không có khả năng làm, những gì tư nhân làm được thì Nhà nước phải làm tốt hơn.

2.5. Đối với các tổ chức tín dụng nhà nước

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tiền tệ, tín dụng theo quy định; tạo điều kiện để các chi nhánh tổ chức tín dụng nhà nước trên địa bàn tỉnh hoạt động an toàn, ổn định, lành mạnh và phát triển bền vững, phù hợp với định hướng, chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hội sở chính.

- Phát huy vai trò của các tổ chức tín dụng nhà nước trong cung ứng vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các chương trình mục tiêu trên địa bàn tỉnh; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

- Khuyến khích các tổ chức tín dụng nhà nước từng bước đổi mới phương thức quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động; ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo quy định, gắn với bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống và an toàn thông tin mạng.

2.6. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Rà soát, sắp xếp lại danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổ chức sắp xếp, kiện toàn hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các quy định của Trung ương. Bảo đảm đủ nguồn lực cho việc cung ứng các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu; không để thiếu nguồn lực làm ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ Nhân dân. Từng bước chuyển các dịch vụ sự nghiệp công có

khả năng xã hội hóa cao sang thực hiện theo cơ chế thị trường phù hợp.

- Thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Trung ương; tiếp tục chuyển mạnh từ phương thức cấp kinh phí trực tiếp cho đơn vị sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách; thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí đối với dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu gắn với cơ chế kiểm soát. Đơn giản hóa quy trình đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; điều chỉnh giá, phí dịch vụ công theo lộ trình phù hợp với khả năng chi trả của người dân và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

- Khuyến khích khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; mở rộng, nâng cao hiệu quả cơ chế hợp tác công - tư trong các lĩnh vực có khả năng cạnh tranh; chú trọng hợp tác về nhân lực, thương hiệu và công nghệ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi một số đơn vị sự nghiệp công lập trong các ngành, lĩnh vực phù hợp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm tối thiểu chi thường xuyên, thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy, tiền lương, thu nhập và tuyển dụng nhân sự gắn với kết quả hoạt động, theo cơ chế áp dụng đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định của pháp luật.

- Từng bước đổi mới mô hình quản trị đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng hiện đại, minh bạch, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu; nghiên cứu áp dụng các chuẩn mực quản trị tiên tiến phù hợp với điều kiện thực tiễn. Củng cố và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

- Thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo tiêu chuẩn, tiêu chí do bộ, ngành quản lý chuyên ngành ban hành; công khai kết quả đánh giá làm căn cứ giao quyền tự chủ và phân bổ nguồn lực. Từng bước ứng dụng nền tảng số để người dân tham gia đánh giá mức độ hài lòng đối với chất lượng, hiệu quả cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 79-NQ/TW và Kế hoạch này; cụ thể hóa các nội

dung phù hợp với từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời rà soát, ban hành các chính sách để thúc đẩy, phát triển kinh tế nhà nước; tăng cường hoạt động giám sát; phân bổ ngân sách hàng năm đáp ứng yêu cầu thực hiện Kế hoạch.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo xây dựng kế hoạch gắn với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hàng năm và tổ chức sơ kết, tổng kết giai đoạn theo quy định.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động các tổ chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn tỉnh thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW và Kế hoạch này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển kinh tế nhà nước.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt và tuyên truyền Kế hoạch này để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (b/c),
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban đảng tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu VPTU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Sùng A Hồ